TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thái Thạnh.

Ông Siu Thun Phrâo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25-02-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 06-10-2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-01-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06-02-2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh ngày 18-3-1995, mã định danh cá nhân số 066195000718; địa chỉ thường trú: Thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ tạm trú: Số I, Đường P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H, sinh ngày 31-8-1995, mã định danh cá nhân số 064095013417; địa chỉ: Số B, Đường H, thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Thái H tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 13-5-2021 của UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai). Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân đến nay được 02 năm. Chị nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn thương yêu anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày thêm: Mâu thuẫn chính dẫn đến việc chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là do anh H có quan hệ tình cảm, ngoại tình với người khác, chị có bằng chứng cụ thể, nếu cần chị sẽ cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra anh H không đưa tiền, không phụ giúp chị trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh chị đã ly thân, không sống chung với nhau từ năm 2023 đến nay. Sau khi anh H đi làm xa thì chị đưa con về ngoại sống, sau đó đưa con lên Kon Tum sống cùng với chị ở nơi chị làm việc. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh H, không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân này nên yêu cầu được ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Đinh Diệp A, sinh ngày 15-11-2021 và không yêu cầu anh Nguyễn Thái H cấp dưỡng nuôi con. Nguyên nhân chị xin được tiếp tục nuôi con vì từ nhỏ đến nay con được chị nuôi dưỡng, chăm sóc, anh H không quan tâm, không đưa tiền để chị nuôi con. Hiện nay con đang ở với chị tại nơi chị làm việc. Chị có công việc là nhân viên tại Phòng khám N tại địa chỉ chị đã cung cấp cho Tòa án, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 13.000.000 đồng - 15.000.000 đồng nên chị có thể tự mình nuôi dưỡng, chăm sóc con đảm bảo. Chị không cần anh H phải cấp dưỡng nuôi con vì từ trước đến nay anh H không đưa tiền để chị nuôi con, nếu chị có yêu cầu thì anh H cũng không có khả năng để thực hiện việc cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

2. Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Thái H:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thái H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ anh H đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng do đang đi làm xa nên anh H đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn chị Đinh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thái H vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

3.2. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thái H.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Đinh Diệp A, sinh ngày 15-11-2021 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết vấn đề này nên không xem xét.

Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Đơn khởi kiện ngày 01-10-2025, chị Đinh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Thái H, cư trú tại thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng dân sự), yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cần tống đạt cho anh H thông qua ông Nguyễn Thái K, là bố đẻ có cùng nơi cư trú với anh H theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông K xác nhận đã thông báo cho anh H về nội dung các văn bản tố tụng nhận thay, anh H đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập anh H tham gia tố tụng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thái H không phản đối những tình tiết, sự kiện do chị Đinh Thị T trình bày liên quan đến mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh chị. Căn cứ khoản 2 Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T không phải chứng minh đối với những tình tiết, sự kiện này và những tình tiết, sự kiện này được Hội đồng xét xử xác định là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Thái H tự

nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 13-5-2021 của UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai). Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T và anh H có đủ điều kiện kết hôn, việc kết hôn được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[6] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án hai lần mở phiên hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Sự vắng mặt của anh H thể hiện thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm với chị T, trong khi chị T đã được giải thích, động viên nhiều lần nhưng vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, không đồng ý rút đơn khởi kiện để hòa giải với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh H là có thật và đã diễn ra trong một thời gian dài, chị T và anh H đã ly thân, không còn sống chung với nhau từ năm 2023 đến nay nên có căn cứ xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[7] Về nuôi con: Chị T và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Đinh Diệp A, sinh ngày 15-11-2021. Hiện nay cháu Diệp A đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không phản đối yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cho chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Diệp A sau khi ly hôn.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T đã được giải thích về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của chị T nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[9] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

[10] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia

Lai về việc giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội;

Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thái H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 13-5-2021 của UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai) hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Đinh Diệp A, sinh ngày 15-11-2021 cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 25-02-2026 cho đến khi thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thái H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi

con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002723 ngày 06-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Gia Lai;
- UBND xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nay Lu Vinh